

Số: /BC-STP

Bắc Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Quyết định Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Sau khi nghiên cứu dự thảo Quyết định và hồ sơ gửi kèm theo Công văn số 231/BQLKCN-DNLD ngày 04/8/2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc đề nghị thẩm định Dự thảo Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; căn cứ quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định

- Trên cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn thể hiện tại dự thảo Tờ trình cho thấy việc ban hành dự thảo Quyết định là cần thiết.

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 1 dự thảo Quy chế ban hành kèm theo dự thảo Quyết định cơ bản đảm bảo thống nhất với nội dung dự thảo văn bản. Bên cạnh đó, đề nghị: (i) không quy định cụm từ “đối tượng” tại khoản 1 về phạm vi điều chỉnh để đảm bảo phù hợp; (ii) bổ sung phạm vi “trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” để đảm bảo tính cụ thể, thống nhất của quy định.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với chủ trương, đường lối của Đảng

Nội dung dự thảo Quyết định cơ bản đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Quyết định

3.1. Về thẩm quyền ban hành

UBND tỉnh ban hành Quyết định này là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a¹, c² khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

¹ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. Cụ thể là khoản 9 Điều 66 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ... Ban hành và giám sát thực hiện Quy chế phối hợp giữa Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; ...”.

² “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: (c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương;...”

3.2. Về nội dung

* Đối với dự thảo Quyết định

- Phần căn cứ ban hành: Đề nghị rà soát, xác định văn bản là căn cứ ban hành đảm bảo chính xác, phù hợp với Điều 62³ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP⁴, đơn cử như: (i) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; (ii) Luật Thanh tra năm 2022 tại căn cứ ban hành thứ 23 đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25/6/2025; (iii) Nghị định số 02/2019/NĐ-CP là căn cứ ban hành thứ 25 sẽ hết hiệu lực thi hành từ ngày 23/8/2025; (iv) bỏ căn cứ “*Quyết định số 1458/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh*” vì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- Điều 2 quy định “... và thay thế các quyết định sau: ... và các **Quyết định đã ban hành quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh (cũ) và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang (cũ) với các Sở, Ban ngành đã ban hành trước ngày 01/7/2025**”, đề nghị xác định cụ thể các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản này do UBND tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh Bắc Ninh trước sắp xếp ban hành đang còn hiệu lực để bổ sung xử lý (đơn cử như qua rà soát có Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy chế phối hợp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh có nội dung thuộc nội hàm của dự thảo văn bản).

- Điều 3: Quy định chủ thể Chánh Văn phòng UBND tỉnh là trùng với “Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh”.

* Đối với dự thảo Quy chế

- Điều 1: Tương tự như ý kiến đã nêu tại mục 1.

- Điều 2: Tên Điều quy định “Giải thích từ ngữ”, tuy nhiên nội hàm của Điều quy định cách hiểu tên cơ quan, tổ chức – khoản 1; quy ước về ký hiệu viết tắt – khoản 2 là không thống nhất với tên Điều. Đồng thời việc viết tắt này đã được xác định khi cụm từ đó xuất hiện lần đầu tiên trong dự thảo. Do đó, đề nghị không quy định nội dung này.

- Điều 4: Tên Điều và nội hàm của Điều quy định về các nội dung phối hợp. Tuy nhiên dự thảo quy định “BQLCKCN chủ trì, phối hợp với các... trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước” là không phù hợp. Đề nghị quy định rõ từng các nội dung phối hợp để phù hợp với tên Điều. Mặt khác, đề nghị rà soát,

³ “Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”

⁴ Ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

quy định thống nhất tên nội dung phối hợp với các nội dung phối hợp cụ thể quy định tại Chương II, đơn cử như: phối hợp trong lĩnh vực quản lý lao động tại khoản 16 Điều 4 và Điều 20; nội dung phối hợp tại khoản 2 “Công tác quản lý quy hoạch, **xây dựng**” trùng lặp với nội dung tại khoản 3 “Công tác quản lý xây dựng”. Đồng thời rà soát các nội dung phối hợp để đảm bảo phù hợp với các nội dung quản lý nhà nước đối với Khu công nghiệp theo Điều 51 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

- Điều 5: Quy định về hình thức phối hợp. Tuy nhiên các khoản 1, 2, 3 thể hiện là nội hàm là trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, không phải là hình thức phối hợp. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa để đảm bảo phù hợp và thống nhất với tên Điều.

- Khoản 2 Điều 6: Quy định trách nhiệm chỉ đạo, giám sát của Sở Tư pháp trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là chưa phù hợp với điểm đ khoản 2 Điều 2 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND⁵. Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa trách nhiệm của Sở Tư pháp theo hướng phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp trong thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là trách nhiệm của hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành trong thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, với nội dung này tại Điều đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung quy định theo hướng là “1. Trách nhiệm của BQLCKCN (gồm khoản 1 và khoản 2). 2. Trách nhiệm của Cơ quan thường trực Hội đồng PHPBGDPL tỉnh. 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan ” để đảm bảo tính phù hợp, bao quát.

- Khoản 2 Điều 8:

+ Điểm b: Đề nghị xác định chính xác điểm a và b của khoản nào thuộc Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP tại trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

+ Điểm c: Rà soát các nội dung theo khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2020 để đảm bảo chính xác, đầy đủ bởi khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15.

- Chương II quy định trách nhiệm phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các Khu công nghiệp - được hiểu trong thực hiện một nội dung phối hợp theo Điều 4 sẽ có cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp; do đó, đề nghị rà soát các trách nhiệm của mỗi cơ quan trong từng nội dung phối hợp để đảm bảo tính cụ thể, tránh trùng lặp, xác định rõ trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tham mưu quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực của mỗi cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, đơn cử như:

+ Điều 7: Quy định về trách nhiệm phối hợp trong quản lý quy hoạch – tại khoản 1 là quy định chung chung theo chức năng nhiệm vụ của mỗi ngành về

⁵ Ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh

quản lý quy hoạch trong khu công nghiệp – trường hợp quy định trách nhiệm chung theo chức năng nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị như dự thảo: đề nghị nghiên cứu sự cần thiết của quy định này tại dự thảo văn bản.

+ Điểm a khoản 2 Điều 11 quy định lại quy định của pháp luật về nhiệm vụ thực hiện – không phải quy định trách nhiệm cụ thể của mỗi cơ quan.

+ Về hoạt động thanh tra, hiện nay các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh không còn chức năng thanh tra chuyên ngành, tuy nhiên tại điểm c khoản 2 Điều 14 quy định trách nhiệm của Sở Xây dựng “Chủ trì, phối hợp với BQLCKCN, Công an tỉnh thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về hoạt động vận tải trong các KCN, đảm bảo an toàn giao thông” – có thể dẫn cách hiểu Sở Xây dựng chủ trì hoạt động thanh tra là không phù hợp với Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND⁶.

+ Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, tại điểm c khoản 2 Điều 15 quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã “Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xem xét, xử phạt của BQLCKCN đối với doanh nghiệp KCN khi có dấu hiệu vi phạm để xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định” – đề nghị làm rõ “ban” tiếp nhận hồ sơ này là cơ quan nào để đảm bảo phù hợp với pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính tại Chương II⁷ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP⁸.

+ Về quy định trách nhiệm của các đơn vị thuộc cơ quan thuộc UBND tỉnh, tại điểm b khoản 2 Điều 17 quy định về trách nhiệm của Phòng Thi đua khen thưởng của Sở Nội vụ - đây là phòng chuyên môn thuộc Sở có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định bởi Sở theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP⁹; theo đó, tại văn bản của UBND tỉnh không quy định trách nhiệm cho chủ thể này, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa đảm bảo phù hợp.

+ Điều 20: Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 quy định về công tác thanh tra, kiểm tra, trong khi đó tại Điều 15 có quy định về phối hợp thanh tra, kiểm tra trong khu công nghiệp. Do đó, nghiên cứu quy định đảm bảo thống nhất, khoa học, tránh trùng lặp.

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Quyết định không phát sinh thủ tục hành chính, do đó Sở Tư pháp không có ý kiến thẩm định nội dung này.

5. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

⁶ Ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh.

⁷ Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả.

⁸ Ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

⁹ Ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Với các nội dung trong hồ sơ dự thảo Quyết định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với cơ quan có liên quan tham mưu, đảm bảo các điều kiện để tổ chức thi hành Quyết định sau khi được ban hành.

6. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

6.1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Đề ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP¹⁰, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa:

*** Đối với dự thảo Quyết định**

- Trình bày dự thảo đảm bảo phù hợp với Mẫu số 20 phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Phần căn cứ ban hành:

+ Rà soát, trình bày viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản là căn cứ ban hành để phù hợp với khoản 5¹¹ phần V Mục 2 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

+ Rà soát, trình bày văn bản là căn cứ ban hành phù hợp với điểm 1 phần III phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và Mẫu số 20 phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

(i) Căn cứ ban hành là Luật, chỉnh sửa thành: tên loại văn bản, tên gọi của văn bản và số ký hiệu của văn bản, ví dụ: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

(ii) Căn cứ ban hành là Nghị định, chỉnh sửa thành: tên loại văn bản, số ký hiệu văn bản, cơ quan ban hành, tên gọi của văn bản, ví dụ: Nghị định số 152/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

+ Không trình bày hiệu lực thi hành của văn bản tại căn cứ ban hành thứ 3, 4, 6.

- Phần nơi nhận: Rà soát các thành phần nhận đảm bảo chính xác, phù hợp với điểm b, c khoản 8 phần II mục 1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP¹², đơn cử như:

¹⁰ Ngày 01/7/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

¹¹ “Viết hoa chữ cái đầu của tên loại văn bản và chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản trong trường hợp nói đến một văn bản cụ thể”.

¹² “b) Tùy theo nội dung của văn bản, nơi nhận văn bản có thể gồm: Cơ quan giám sát, kiểm tra việc triển khai thi hành văn bản; Cơ quan công báo; Cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai thi hành văn bản; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan; Đơn vị lưu văn bản và đơn vị soạn thảo văn bản. c) Từ “Nơi nhận” được trình bày trên một dòng riêng (ngang hàng với dòng chữ “quyền hạn, chức vụ của người ký” và sát lề trái), sau có dấu hai chấm (:), bằng chữ in thường, cỡ chữ 12, kiểu chữ nghiêng, đậm. Phần liệt kê các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân nhận văn

+ Chính sửa thành phần nhận thứ 2 thành “Cục Kiểm tra văn bản & QLXLVPHC – Bộ Tư pháp” để phù hợp với Nghị định số 39/2025/NĐ-CP.

+ Gộp thành phần nhận thứ 7 cùng thành phần nhận thứ 5 vì là đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

+ Bổ cục thành phần nhận thứ 6 lên thành phần thứ nhất để đảm bảo phù hợp.

* Đối với dự thảo Quy chế

- Phần dưới tên dự thảo Quy chế, đề nghị chỉnh sửa thành “(Ban hành kèm theo Quyết định số:/2025/QĐ-UBND)” để phù hợp với Mẫu số 20 phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Rà soát, trình bày văn bản viện dẫn phù hợp với khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

+ Đối với văn bản được viện dẫn là Luật khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên văn bản, số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung. Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản. Ví dụ: Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.

+ Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản. Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản. Ví dụ: Nghị định số 31/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Rà soát, trình bày theo bố cục Chương, Điều, khoản, điểm và trình bày phù hợp với điểm b khoản 2 phần III mục 1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và khoản 2¹³ Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

- Trình bày Điều 10 theo bố cục điều - khoản - điểm phù hợp với Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

bản được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng; tên mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân hoặc mỗi nhóm cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận văn bản được trình bày trên một dòng riêng, đầu dòng có gạch đầu dòng (-) sát lề trái, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;). Dòng cuối cùng bao gồm chữ “Lưu” sau có dấu hai chấm (:), tiếp theo là chữ viết tắt “VT”, dấu phẩy (,), chữ viết tắt tên đơn vị (hoặc bộ phận) soạn thảo văn bản và số lượng bản lưu, cuối cùng là dấu chấm (.)”

¹³ Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý; không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm

- Trình bày số trang phù hợp với khoản 7 phần I Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: “... không hiển thị số trang thứ nhất ... Số trang của văn bản được ban hành kèm theo được đánh số riêng theo từng văn bản ...”.

- Đề nghị rà soát, trình bày thống nhất: (i) dấu kết thúc giữa các điểm, khoản thuộc Điều; (ii) cụm từ “Ban Quản lý/BQLCKCN”¹⁴ sau khi đã có quy ước viết tắt; (iii) “theo quy định/theo quy định của pháp luật” để phù hợp với khoản 6 Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP “Từ ngữ chỉ nội dung giống nhau phải được sử dụng thống nhất trong toàn bộ văn bản”.

- Chương III:

+ Chính sửa tên Chương thành Tổ chức thực hiện.

+ Chính sửa tên Điều 23 thành Trách nhiệm thi hành.

+ Điều 24: (i) chỉnh sửa tên Điều 24 thành Điều khoản thi hành; (ii) chỉnh sửa cụm từ “xem xét, sửa đổi, bổ sung” thành “xem xét, quyết định” để đảm bảo tính bao quát của quy định.

6.2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo

Qua các nội dung trong hồ sơ dự thảo văn bản cho thấy trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Quyết định cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Tuy nhiên, qua dự thảo Tờ trình, tại phần 3 – Quá trình soạn thảo, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan chưa thể hiện đã thực hiện các công việc sau:

- Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày (trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định) theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Truyền thông chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

7. Về điều kiện trình UBND tỉnh

- Về trình tự, thủ tục: dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình sau khi nghiên cứu, tiếp thu, thực hiện các công việc nêu tại tiểu mục 6.2 mục 6 Báo cáo này.

- Về nội dung: dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình UBND tỉnh sau khi nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh các ý kiến thẩm định đã nêu tại mục 1, tiểu mục 3.2 mục 3, mục 5, tiểu mục 6.1 mục 6 Báo cáo này.

* Bên cạnh đó:

¹⁴ Điểm b khoản 4 Điều 11

+ Với ý kiến thẩm định đã nêu, sau khi nghiên cứu tiếp thu đề nghị rà soát các thành phần hồ sơ trình để đảm bảo thống nhất.

+ Đối với dự thảo Tờ trình: rà soát trình bày phù hợp với Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; đồng thời cụ thể các nội dung liên quan theo hướng dẫn tại Công văn 341/STP-CTVB ngày 14/8/2025 của Sở Tư pháp đề nghị thực hiện trình tự thủ tục, xây dựng văn bản QPPL đúng quy định.

+ Đối với Bản tổng hợp ý kiến góp ý: trình bày phù hợp với Mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Ban Quản lý Các khu công nghiệp nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định đảm bảo đủ điều kiện trình; đồng thời, thực hiện theo quy định tại khoản 1¹⁵, khoản 2¹⁶ Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý Các khu công nghiệp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thị Việt Hà

¹⁵ “1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.”

¹⁶ “2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 50 của Nghị định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo; b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.”